

Số: /2020/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 của Thống đốc NHNN Việt Nam cấp cho Ngân hàng TMCP Liên Việt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt;
- Căn cứ Nghị quyết ngày .../.../2020 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt về việc thông qua và giao cho HĐQT phê chuẩn, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị,

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I

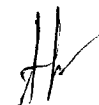
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, hướng tới các chuẩn mực thông lệ về quản trị.
- 1.2. Quy chế này áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống Ngân hàng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ ngữ viết tắt

- 2.1. Giải thích từ ngữ:





Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **Ngân hàng:** Là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt;
 - b) **Ủy ban:** Là các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác;
 - c) **Người quản lý:** Là Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Ngân hàng;
 - d) **Người điều hành:** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành tương đương của Ngân hàng do HĐQT quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;
 - e) **Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
- 2.2. Từ ngữ viết tắt:
- a) **Luật các TCTD:** Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;
 - b) **NHNN:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng;
 - d) **HĐQT:** Hội đồng Quản trị Ngân hàng;
 - e) **Ban TGD:** Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng;
 - f) **TGD:** Tổng Giám đốc Ngân hàng.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Nguyên tắc chung về cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng Quản trị

- 3.1. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mọi hoạt động của Ngân hàng, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và Người đại diện pháp luật.
- 3.2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc kết hợp sự lãnh đạo của tập thể HĐQT với sự quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT và đề cao trách nhiệm của mỗi Thành viên HĐQT trong việc tham gia quản trị, điều hành các công việc của Ngân hàng.
- 3.3. Mọi hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định của Ngân hàng và đảm bảo lợi ích của Ngân hàng.



- 3.4. HĐQT phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 Thành viên HĐQT độc lập. HĐQT phải có ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
- 3.5. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá $\frac{1}{3}$ (một phần ba) tổng số Thành viên HĐQT của Ngân hàng.
- 3.6. Việc bầu Thành viên HĐQT tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Thành viên HĐQT.
- 3.7. HĐQT gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Thành viên HĐQT.
- 3.8. HĐQT, Chủ tịch HĐQT phân công một số Thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động của Ngân hàng và tham gia các Ủy ban để thực hiện việc tham mưu, tư vấn cho HĐQT.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị

- 4.1. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 4.2. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 4.3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- 4.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT.
- 4.5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 4.6. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- 4.7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật các TCTD năm 2010.
- 4.8. Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD và quy định nội bộ của Ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 4.9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn



- 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- 4.10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
 - 4.11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau:
 - a. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT;
 - b. Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng;
 - c. Quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng;
 - d. Các Quy chế, quy định về phân cấp, ủy quyền, giới hạn để Tổng Giám đốc điều hành trong các hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, đầu tư, mua sắm tài sản và các vấn đề khác của Ngân hàng.
 - 4.12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
 - 4.13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
 - 4.14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
 - 4.15. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
 - 4.16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
 - 4.17. Quyết định phương án phát hành trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi trừ trường hợp giá chào bán đã được ấn định trong Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - 4.18. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.
 - 4.19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - 4.20. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
 - 4.21. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.



- 4.22. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- 4.23. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- 4.24. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
- 4.25. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
- 4.26. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.
- 4.27. Quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
- 4.28. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Ngân hàng, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 4.29. Phân cấp phán quyết đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Ngân hàng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, TGD theo quy định của pháp luật.
- 4.30. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với hoạt động nội bộ, quản lý rủi ro và mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
- 4.31. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do ĐHĐCĐ phân công, giao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 4.32. Quyết định mọi vấn đề khác của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 4.33. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Hoạt động Giám sát của Hội đồng Quản trị

5.1. Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ

HĐQT giám sát TGD trong việc:

- a. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin.
- b. Duy trì văn hóa kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-NHNN trong Ngân hàng.
- c. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- d. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

5.2. Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro

HĐQT giám sát TGD trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro trong việc:

- a. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
- b. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

5.3. Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn

HĐQT giám sát TGD trong việc:

- a. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.
- b. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

5.4. Các nội dung giám sát khác do HĐQT quy định.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 6.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- 6.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- 6.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT.
- 6.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- 6.5. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 6.6. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
- 6.7. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT.
- 6.8. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
- 6.9. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- 6.10. Triệu tập, chủ tọa cuộc họp của các Ủy ban mà Chủ tịch HĐQT không đồng thời là Chủ tịch Ủy ban khi xét thấy cần thiết.
- 6.11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 6.12. Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn nếu cần thiết.



- 6.13. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT.
- 6.14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 7.1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, của NHNN, Điều lệ, quy định nội bộ liên quan khác của Ngân hàng và sự phân công của HĐQT, Chủ tịch HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
- 7.2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành của Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- 7.3. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT bất thường theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 7.4. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Quy chế này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình.
- 7.5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- 7.6. Nghiên cứu, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Ngân hàng. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng, kế hoạch hoạt động và kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 7.7. Tham gia bỏ phiếu hoặc cho ý kiến về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT.
- 7.8. Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng về việc chuyển nhượng cổ phần.
- 7.9. Tham gia các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT để thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định nội bộ của Ngân hàng và pháp luật.
- 7.10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, giao nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
- 7.11. Hàng năm, trên cơ sở yêu cầu của Chủ tịch HĐQT/HĐQT, thành viên HĐQT độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 7.12. Nhiệm vụ và quyền hạn khác của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.



CHƯƠNG III**TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM****Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 8.1.1 Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 44 của Điều lệ Ngân hàng;
- 8.1.2 Có đạo đức nghề nghiệp;
- 8.1.3 Có bằng đại học trở lên;
- 8.1.4 Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 9.1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
- 9.2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- 9.3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng.
- 9.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
- 9.5. Không phải là Người quản lý, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

Điều 10. Bầu các chức danh thuộc Hội đồng Quản trị

- 10.1. Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu trên cơ sở danh sách đã được NHNN chấp thuận, cụ thể theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- 10.2. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT thường trực, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT.
- 10.3. HĐQT quyết định số lượng Phó Chủ tịch HĐQT từng thời kỳ.





Điều 11. Đương nhiên mất tư cách

- 11.1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách Thành viên HĐQT:
- Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - Vi phạm quy định tại Điều lệ Ngân hàng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép;
- 11.2. HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 11.1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của Pháp luật.
- 11.3. Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 11.1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT.
- 11.4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 12. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

- 12.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên HĐQT của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Có đơn xin từ chức gửi HĐQT của Ngân hàng;
 - Không tham gia hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
 - Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.
- 12.2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên HĐQT của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 12.3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT, HĐQT của Ngân hàng



phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó:

- a. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch HĐQT thay thế;
- b. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 12.1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

Điều 13. Đình chỉ, tạm đình chỉ

- 13.1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các Thành viên HĐQT Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định khác của Pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
- 13.2. Ban Kiểm soát đặc biệt (do Ngân hàng Nhà nước thành lập khi quyết định đặt Ngân hàng vào tình trạng kiểm soát đặc biệt) có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, Thành viên HĐQT của Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
- 13.3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 13.1 và Khoản 13.2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, HĐQT, Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.
- 13.4. Chủ tịch và các Thành viên HĐQT của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ Pháp luật.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 14. Nguyên tắc lấy ý kiến Hội đồng Quản trị

- 14.1. Thành viên HĐQT, Ủy ban/Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc là cấp trình xin ý kiến HĐQT. Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định lấy ý kiến HĐQT đối với các nội dung, vấn đề cụ thể theo tờ trình (trường hợp đơn vị, cá nhân đặc biệt khác trình HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT).
- 14.2. Nếu Chủ tịch HĐQT chấp thuận thì Chủ tịch HĐQT cho lấy ý kiến Thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT hoặc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.

Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

- 15.1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- 15.2. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:

- a. Chủ tịch HĐQT;
 - b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 thành viên HĐQT độc lập;
 - c. Ban Kiểm soát hoặc Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;
 - g. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh/thành phố nơi Ngân hàng đặt Trụ sở chính.
- 15.3. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.
- 15.4. Đề nghị triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 15.5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm b, c, d, e, f và g thuộc Khoản 15.2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 15.6. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được HĐQT quy định.
- 15.7. Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan phải được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng trước thời gian họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.
- 15.8. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp cần lấy ý kiến các thành viên HĐQT gấp để đảm bảo tiến độ công việc. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.
- 15.9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền được triệu tập tiếp



cuộc họp HĐQT lần hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

- 15.10. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 15.11. Chủ tọa phiên họp HĐQT trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.
- 15.12. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:
 - a. Mỗi thành viên HĐQT tham dự họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
 - b. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ;
 - d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;
 - e. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;





(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

15.13. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

15.14. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến ký kết với Ngân hàng, phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT. Tại đây, HĐQT sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

15.15. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

15.16. Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ thành Biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp ký tên. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên HĐQT tham dự họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp cho các thành viên HĐQT và những Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày gửi Biên bản.



- 15.17. Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng của Ngân hàng.
- 15.18. Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác được mời dự toàn bộ hoặc một phần cuộc họp HĐQT, nhưng không được tham gia biểu quyết.
- 15.19. Chủ tịch HĐQT chủ tọa các phiên họp HĐQT (hoặc ủy quyền cho một Thành viên HĐQT chủ tọa) và quyết định mời họp các thành viên tham dự phiên họp HĐQT theo định kỳ, hoặc đột xuất để thảo luận, thống nhất quyết định các vấn đề thuộc quyền của HĐQT.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 16.1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - (ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Các quyết định đã được thông qua;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT;
 - c. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.
- 16.2. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại



cuộc họp coi như không có giá trị.

- 16.3. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp các biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

- 17.1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.
- 17.2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
- 17.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng và ngày cấp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
 - Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- 17.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
- 17.5. Việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu xét thấy cần thiết). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).

- 17.6. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 17.7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 17.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- 17.9. Quyết định được HĐQT thông qua với việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được các Thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các Thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp các ý kiến đối lập có tỷ lệ 50/50 thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT chỉ định chủ trì việc lấy ý kiến (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt không thể gửi ý kiến);
 - b. Số lượng Thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

CHƯƠNG V CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 18. Chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị

- 18.1. Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT theo định kỳ hàng quý/hàng năm hoặc theo các kỳ họp HĐQT hoặc yêu cầu công tác của Ngân hàng, trình HĐQT phê duyệt trong trường hợp cần thiết.
- 18.2. Căn cứ nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi Thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 19. Chế độ hội họp và đi công tác

- 19.1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT và các cuộc họp khác mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được thì cử người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan/đơn vị mời họp không chấp nhận người thay thế.
- 19.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị mời đích danh Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp thì





Thành viên HĐQT tham gia họp khi có sự chấp thuận của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp Thành viên HĐQT được phân công phụ trách mảng công việc liên quan.

- 19.3. Thành viên HĐQT đi công tác ngoại tỉnh có trách nhiệm thông báo, giữ liên lạc thường xuyên với Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, thành viên Ban TGD mà mình trực tiếp phụ trách để kịp thời chỉ đạo, xử lý các công việc phát sinh.

Điều 20. Điều kiện và chi phí làm việc của các Thành viên Hội đồng Quản trị

- 20.1. Phòng làm việc của Chủ tịch và các Thành viên HĐQT chuyên trách được đặt tại Trụ sở chính và văn phòng đại diện của Ngân hàng. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các Thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Ngân hàng.
- 20.2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng và được thanh toán vào chi phí của Ngân hàng theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính.
- 20.3. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT được hưởng thù lao công vụ trong định mức tổng chi phí theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; cụ thể cho từng Thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.


Điều 21. Quy định chung về Ủy ban và cơ quan giúp việc

- 21.1. HĐQT phải thành lập ủy ban về quản lý rủi ro và ủy ban về nhân sự theo quy định của Pháp luật. HĐQT quy định cơ cấu tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban.
- 21.2. HĐQT có quyền thành lập các Ủy ban hoặc bộ phận khác thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu, giúp HĐQT thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 22. Điều khoản thi hành

- 22.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2020, và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 144c/2019/QC-HĐQT ngày 25/4/2019 của Hội đồng Quản trị.
- 22.2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Ngân hàng. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 22.3. Các Thành viên HĐQT và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
- 22.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do ĐHĐCĐ phê chuẩn trước khi ban hành hoặc do HĐQT quyết định căn cứ theo phân công, giao nhiệm vụ của ĐHĐCĐ. /

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT;
- Các TV BKS;
- Ban TGD;
- Các Khối, Phòng TSC;
- CN, PGD;
- Lưu KVP.





Văn bản bị thay thế

STT	Tên	Số hiệu	Ngày ban hành
1	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị	144c/2019/QC-HĐQT	25/4/2019

Văn bản liên quan

STT	Tên	Số hiệu	Ngày ban hành
1	Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt		